

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH**

Số: 1044/ĐA-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Đình, ngày 15 tháng 5 năm 2021

ĐỀ ÁN

**Đổi mới và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực giáo dục và đào tạo
quận Ba Đình giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

Công nghệ thông tin (CNTT) luôn được đề cao trong đổi mới giáo dục, là công cụ quan trọng thúc đẩy nền giáo dục mở, giúp con người dễ dàng tiếp cận thông tin, rút ngắn khoảng cách, thu hẹp không gian, tiết kiệm thời gian, tối ưu chi phí, từ đó con người phát triển nhanh hơn về kiến thức, nhận thức và tư duy. CNTT đem đến nhiều tiện ích cho các nhà quản lý, người học, người dạy, phụ huynh học sinh giúp cải thiện chất lượng giáo dục, nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; việc ứng dụng CNTT được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Ba Đình lần thứ XXVI và Chương trình 09-CTr/QU ngày 09/12/2020 của Quận ủy Ba Đình về văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo nhiệm kỳ 2020 - 2025, với mục tiêu đưa giáo dục và đào tạo (GDĐT) phát triển vươn lên nhóm dẫn đầu của Thành phố, UBND quận xây dựng Đề án “Đổi mới và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực giáo dục và đào tạo quận Ba Đình giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

Phần I

CĂN CỨ PHÁP LÝ, THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Giáo dục năm 2019;
- Luật Ngân sách ngày 25/6/2015;
- Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về “đổi mới căn bản và toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 26/05/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt;

- Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ GDĐT Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;

- Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GDĐT Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở GDĐT, phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Kế hoạch số 345/KH-BGDĐT ngày 23/5/2017 của Bộ GDĐT về thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”;

- Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ GDĐT về hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

- Kế hoạch hành động số 190/KH-UBND ngày 27/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai “Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025”;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Ba Đình lần thứ XXVI và Chương trình số 09-CTr/QU ngày 09/12/2020 của Quận ủy Ba Đình về văn hóa - xã hội và giáo dục - đào tạo nhiệm kỳ 2020 - 2025.

II. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN

1. Thực trạng về hạ tầng CNTT

1.1. Về ưu điểm

- 100% trường học thuộc quận đều được trang bị internet cáp quang tốc độ cao để phục vụ trong công tác quản lý, dạy - học và kiểm tra, đánh giá.

- 38/49 trường học thuộc quận được trang bị hệ thống camera, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn, kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, giáo dục.

- 100% trường học thuộc quận đã trang bị đầy đủ máy tính tới phòng làm việc của ban giám hiệu, các phòng chức năng, các tổ bộ môn.

1.2. Về hạn chế

- Chưa có mạng internet bao phủ tới 100% các lớp học trong các trường học, khó khăn trong việc khai thác tư liệu dạy học trực tuyến và sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học.

- Việc trang bị camera ở các trường không đồng đều cả về chất lượng và số lượng, đặc biệt còn thiếu nhiều các camera an ninh trường học. Mới chỉ lưu trữ dữ liệu thông qua ổ cứng không đảm bảo an toàn.

- Chưa có phòng họp tương tác trực tuyến (cầu truyền hình) kết nối liên thông giữa Phòng GDĐT quận với 100% các trường trên địa bàn quận. Việc tổ chức hội họp, đào tạo bồi dưỡng, triển khai hoạt động của ngành chưa linh hoạt, hiệu quả.

2. Thực trạng về hệ thống phần mềm CNTT

2.1. Về ưu điểm

- 100% các trường trên địa bàn quận đã có trang thông tin điện tử kết nối đồng bộ, liên thông với Cổng thông tin điện tử của ngành GDĐT quận. Đây là kênh thông tin chính thống, hữu hiệu của các trường học trên địa bàn quận truyền tải được nhiều thông tin về hoạt động giáo dục từ nhà trường tới học sinh, phụ huynh học sinh, tạo sự tin tưởng, gắn kết giữa nhà trường với học sinh, phụ huynh học sinh và nhân dân trên địa bàn.

- 100% các trường trên địa bàn quận hiện đã triển khai sử dụng và khai thác tốt các phần mềm quản lý giáo dục điện tử, phần mềm phổ cập giáo dục, cơ sở dữ liệu ngành và phần mềm kế toán... theo chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội và hướng dẫn của Phòng GDĐT quận.

2.2. Về hạn chế

Nhìn chung trong quản lý GDĐT và trong quan hệ giữa nhà trường với xã hội, gia đình, học sinh với các cơ quan quản lý chưa được ứng dụng trên nền tảng CNTT.

3. Thực trạng năng lực CNTT của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ngành GDĐT quận

3.1. Về ưu điểm

- UBND quận luôn quan tâm chỉ đạo, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ tin học cho các trường trên địa bàn.

- Phòng GDĐT quận thường xuyên tổ chức các chuyên đề đào tạo bồi dưỡng về ứng dụng CNTT góp phần mang lại hiệu quả cao do xuất phát từ tình hình thực tiễn công tác quản lý, giảng dạy cũng như sát với năng lực, nguyện vọng của người học và đảm bảo phân hóa đối tượng.

- Giáo viên đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông (gọi tắt là Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT) tại trường Tiểu học và THCS đạt 88% và Mầm non là 58%.

- Ban giám hiệu các nhà trường luôn bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội; sự chỉ đạo của UBND Thành phố, UBND quận về việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực GDĐT tại các nhà trường.

- Nhận thức chung của xã hội, phụ huynh về vai trò của CNTT trong đời sống xã hội nói chung, trong học tập của học sinh đã được nâng lên, do đó có sự đồng thuận cao và sự quan tâm của phụ huynh đối với việc triển khai thực hiện ứng dụng CNTT vào dạy và học.

- 100% các trường đã có đội ngũ nhân sự chuyên trách CNTT, đảm bảo hỗ trợ nhanh, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản trong thời điểm hiện tại.

3.2. Về hạn chế

- Nhân lực phục vụ cho việc phát triển ứng dụng CNTT trong quản lý còn thiếu, yếu cả trong nhận thức, đào tạo bồi dưỡng, trong kỹ năng tổ chức quản lý hệ thống thông tin, kỹ năng sử dụng và khai thác thông tin.

- Tỷ lệ giáo viên cấp Mầm non đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT hiện đạt 58% trong khi yêu cầu đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ giáo viên cấp Tiểu học và THCS có trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT mới đạt 88%.

- Trình độ ứng dụng CNTT của cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế dẫn đến việc ứng dụng đồng bộ CNTT trong toàn ngành chưa hỗ trợ thực sự hiệu quả việc giảm tải công việc cũng như tạo sự hứng thú cho cán bộ giáo viên.

III. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ngày 23/5/2017, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 345/KH-BGDĐT thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”.

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, ngành GDĐT cả nước cũng đang có kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển chính phủ số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Ba Đình lần thứ XXVI nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra mục tiêu nâng cao chất lượng GDĐT của quận, phấn đấu đưa GDĐT vươn lên nhóm dẫn đầu của Thành phố.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng GDĐT quận Ba Đình, thực hiện thành công mục tiêu phát triển văn hóa - xã hội và giáo dục - đào tạo theo Chương trình 09-CTr/QU ngày 09/12/2020 của Quận ủy đòi hỏi rất nhiều sự nỗ lực, cố gắng và cần nhiều giải pháp căn bản, đồng bộ.

Với những yêu cầu đó, UBND quận Ba Đình xây dựng Đề án “Đổi mới và tăng cường ứng dụng CNTT lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo quận Ba Đình giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” là cần thiết giai đoạn hiện nay.

Phần II NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

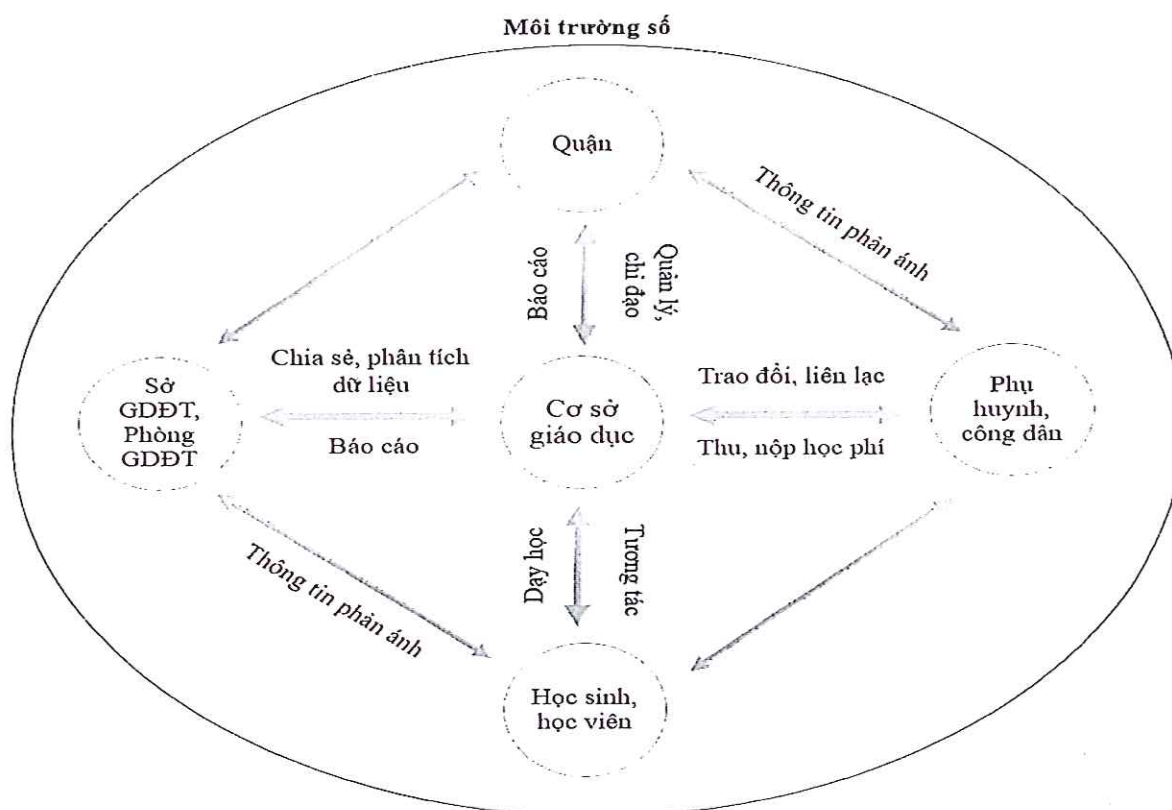
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trên cơ sở cải cách hành chính, học sinh làm trung tâm, tăng cường hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện chuyển đổi số,

tăng cường kết nối liên thông ngành GDĐT quận và bảo đảm an ninh trường học, an toàn thông tin mạng;

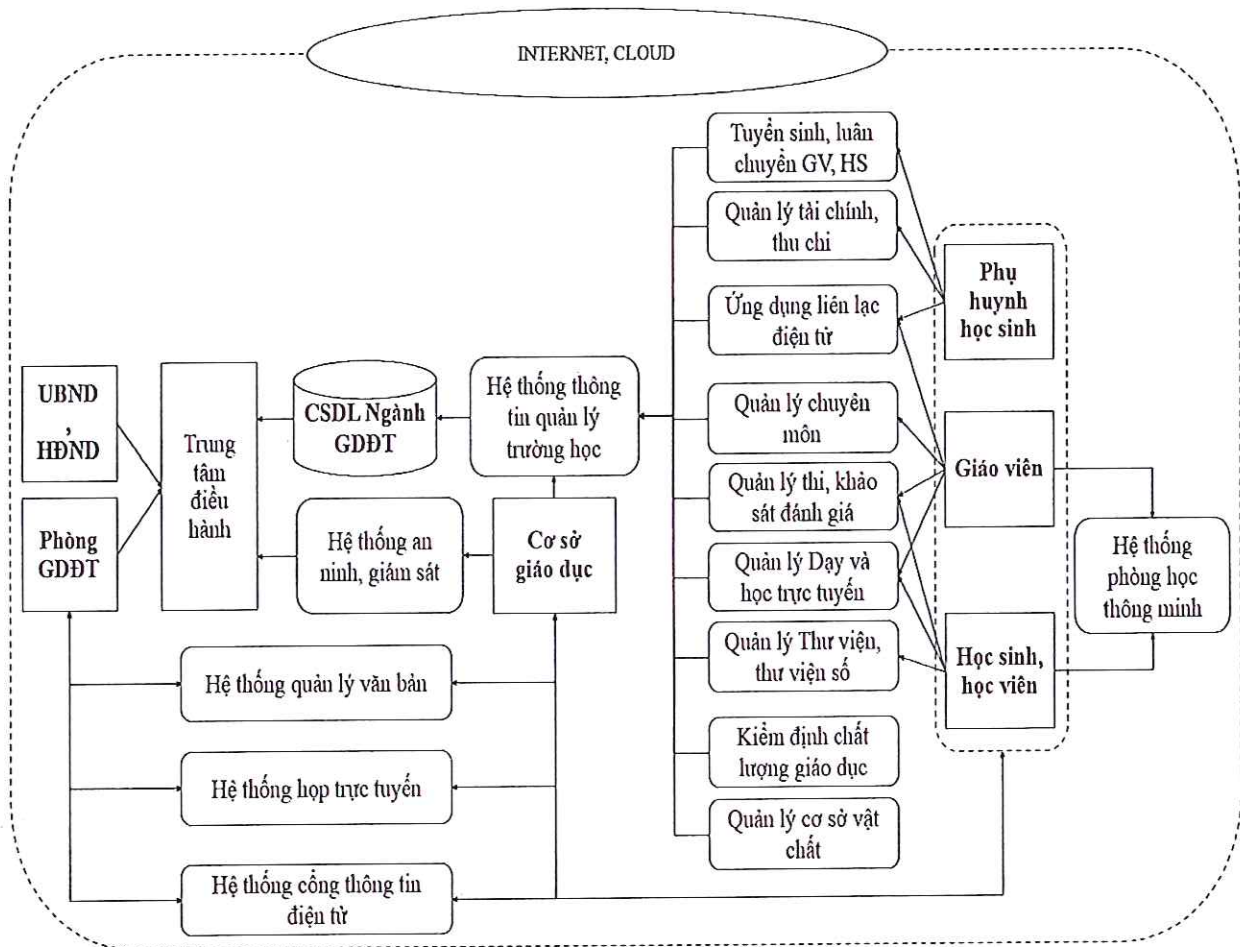
- Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến;

- Xây dựng môi trường quan hệ tương tác bao gồm Quản lý - Dạy - Học - Giáo dục giữa các chủ thể: Nhà trường - Cơ quan quản lý nhà nước - Cơ quan quản lý chuyên ngành - Gia đình - Học sinh để quản lý, điều hành, chia sẻ dữ liệu, tài nguyên, thông tin trên nền tảng CNTT;

- Đầu tư hạ tầng CNTT và đào tạo bồi dưỡng nhân lực đáp ứng mục tiêu xây dựng môi trường quan hệ tương tác bao gồm Quản lý - Dạy - Học - Giáo dục giữa các chủ thể trên nền tảng CNTT.



Hình 1. Mối quan hệ giữa các chủ thể thụ hưởng đổi mới, ứng dụng CNTT trong GDĐT quận Ba Đình



Hình 2. Mô hình tổng thể hệ thống CNTT ngành GDĐT quận Ba Đình

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Về hạ tầng CNTT

- 100% trường học thuộc quận được kết nối Internet bằng thông rộng nhằm đảm bảo sẵn sàng cho việc kết nối liên thông các hệ thống quản lý điều hành, các phần mềm hỗ trợ chuyên môn, các hoạt động tương tác trực tuyến;

- 100% trường học thuộc quận được rà soát, nâng cấp trang thiết bị CNTT, thiết bị ngoại vi, mạng nội bộ (LAN), hệ thống mạng không dây (wifi) đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT (phần cứng, phần mềm...);

- 100% trường học thuộc quận được trang bị hệ thống hội nghị truyền hình phục vụ hội họp, đào tạo tập huấn qua hình thức tương tác trực tuyến kết nối đồng bộ, liên thông tới Phòng GDĐT quận;

- 100% các trường có hệ thống camera giám sát tại các khu vực xung yếu về an ninh, khu vực hành lang, sân trường, trong các lớp học, các phòng bộ môn, sân chơi bãi tập; hệ thống camera giám sát hoạt động hiệu quả, ổn định tại các vị trí phòng cần lắp đặt theo quy định nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống và lưu trữ dữ liệu hình ảnh trên hệ thống điện toán đám mây (cloud).

2.2. Về ứng dụng CNTT

2.2.1. Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành ngành giáo dục

- 100% văn bản quản lý điều hành trong ngành giáo dục được điện tử hóa, ứng dụng chữ ký số;
- 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử;
- 70% các cuộc tập huấn chuyên môn được thực hiện qua môi trường mạng;
- 70% các cuộc họp, hội nghị ngành giáo dục Ba Đình được tổ chức qua môi trường mạng;
- 100% các trường học thuộc quận ứng dụng CNTT trong hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, công bố thông tin kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và chứng nhận trường chuẩn quốc gia trên hệ thống cổng thông tin điện tử;
- 100% các trường học thuộc quận ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý thư viện, quản lý đồ dùng thiết bị, quản lý nhà trường;
- 100% các trường học thuộc quận ứng dụng CNTT trong việc quản lý thu chi và thanh toán các khoản phí không sử dụng tiền mặt;
- 100% các trường học trên địa bàn tiếp tục duy trì và triển khai có hiệu quả trang thông tin điện tử, nhằm cung cấp thông tin về toàn ngành đồng thời là cổng điều hành tích hợp với tất cả các cổng thông tin cấp phòng, trường, kết nối với tất cả ứng dụng triển khai trong ngành;
- 100% trường học thuộc quận ứng dụng CNTT hỗ trợ đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá trong tất cả các môn học, hoạt động giáo dục bao gồm kho học liệu số, bài giảng e-learning, hệ thống học tập trực tuyến...;
- Xây dựng các giải pháp khai thác cơ sở dữ liệu tập trung của ngành GDĐT trong quản lý, điều hành và hoạch định chính sách.

2.2.2. Ứng dụng CNTT trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá

- 100% bài giảng được ứng dụng CNTT trong tổ chức, đổi mới phương pháp dạy học; tập trung xây dựng thí điểm và đi vào vận hành mô hình lớp học thông minh ở 100% các trường học thuộc quận;
- 50% các kì khảo sát chất lượng cho học sinh và giáo viên được tổ chức thực hiện qua mạng internet; 50% các kì thi lấy điểm của học sinh được thực hiện trên môi trường mạng internet.

2.3. Về năng lực, trình độ CNTT của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- 100% cán bộ quản lý hiểu được những kĩ năng cơ bản về CNTT, hệ thống phần mềm, vai trò và ứng dụng của CNTT trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học tại các nhà trường;
- 100% giáo viên dạy bộ môn, đặc biệt giáo viên Tin học được bồi dưỡng cập nhật về kiến thức, kỹ năng CNTT mới, phương pháp dạy học hiện đại theo sự phát

triển của khoa học, công nghệ và khoa học sư phạm quốc tế; kỹ năng xây dựng bài giảng, ứng dụng các công nghệ thông tin vào dạy và học;

- 100% giáo viên chuyên trách CNTT tại trường chưa có bằng cấp hoặc chứng chỉ CNTT sẽ được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo có cấp bằng hoặc chứng chỉ;

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ngành GDĐT quận được đào tạo chuyên sâu về vấn đề bảo mật thông tin, an toàn thông tin và an ninh mạng.

3. Nguyên tắc

Đảm bảo toàn bộ các trường học thuộc quận được triển khai đồng bộ các hệ thống ứng dụng CNTT lĩnh vực GDĐT; được hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ để ứng dụng và sử dụng hiệu quả trong công tác quản lý, dạy và học.

4. Phạm vi, đối tượng, thời gian thực hiện

- Phạm vi: Đề án được triển khai tại tất cả các cơ sở giáo dục thuộc quận.
- Đối tượng áp dụng: Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh các cơ sở giáo dục thuộc quận.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2025, định hướng tới năm 2030.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

1.1. Thực hiện tốt các chủ chương, chính sách về ứng dụng CNTT trong giáo dục - đào tạo

- Quán triệt và triển khai thực hiện kịp thời và đầy đủ các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước về chế độ, chính sách đối với giáo dục nói chung, đối với việc ứng dụng CNTT trong giáo dục - đào tạo nói riêng;

- Căn cứ tình hình thực tế và thẩm quyền, thường xuyên xây dựng, ban hành hệ thống văn bản phát triển CNTT trong GDĐT để hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập và triển khai các phần mềm, CSDL quản lý giáo dục nhằm nâng cao chất lượng quản lý giáo dục;

- Khen thưởng kịp thời thành tích của nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh trong việc triển khai Chương trình ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy và học đạt hiệu quả tốt;

- Hàng năm ưu tiên bố trí ngân sách đầu tư trang thiết bị, sửa chữa, nâng cấp máy tính, phần mềm ứng dụng CNTT.

1.2. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư và phát triển ứng dụng CNTT

- Huy động các nguồn lực của xã hội, các nhà cung cấp có thương hiệu lớn, từ cha mẹ học sinh vào việc nâng cao ứng dụng CNTT lĩnh vực quản lý, dạy và học;

- Động viên, tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chủ động nâng cao trình độ CNTT thông qua tự học, học tập tại các trung tâm CNTT cấp chứng chỉ đạt chuẩn quốc tế;

- Phát động để cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn Ngành tham gia xây dựng khóa học điện tử, bài giảng điện tử, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học đóng góp vào kho dữ liệu số của Ngành;

- Tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hỗ trợ nguồn lực về cơ sở vật chất, nhân lực để triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy và học tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể

2.1. Tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT

- Đảm bảo cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT đồng bộ, liên thông, hiện đại. Lựa chọn đơn vị tư vấn, cung cấp có uy tín, các dịch vụ phải đáp ứng có chiều sâu về mặt tính năng và chất lượng để đưa vào vận hành, sử dụng;

- Bổ sung, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống Internet cáp quang đến tất cả các trường học thuộc quận. Triển khai hệ thống mạng LAN, mạng wifi cung cấp Internet cho giáo viên, học sinh đến từng phòng học đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phần cứng;

- Xây dựng, vận hành hệ thống phòng họp trực tuyến qua mạng liên thông từ Phòng GDĐT quận tới các trường học trên địa bàn quận nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, chỉ đạo, điều hành và tổ chức tập huấn của ngành;

- Xây dựng trung tâm điều hành giáo dục cho Phòng GDĐT quận trên nền tảng cơ sở dữ liệu tập trung của ngành GDĐT, kết nối liên thông và khai thác dữ liệu từ các phần mềm chuyên dụng của ngành như phần mềm tuyển sinh, phần mềm kiểm tra đánh giá năng lực học sinh... Tiến đến kết nối tới trung tâm điều hành chung của toàn quận và cung cấp các dữ liệu của Ngành Giáo dục và Đào tạo phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoạch định chính sách;

- Triển khai hệ thống camera giám sát an ninh và lưu trữ dữ liệu hình ảnh trên hệ thống điện toán đám mây (cloud).

2.2. Ứng dụng phần mềm CNTT trong quản lý, dạy và học

- Xây dựng hệ sinh thái trong công tác quản lý, dạy và học với nền tảng là hệ thống phần mềm dùng chung, có khả năng linh hoạt trong việc liên kết với các hệ thống phần mềm của các Bộ, Sở, ngành, có kết nối trong đảm bảo sự hoạt động đồng bộ (và có thể mở rộng kết nối) với các phần mềm quản lý như:

- + Triển khai ứng dụng CNTT trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục và cấp chứng nhận chuẩn quốc gia bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả và chính xác. Ưu tiên hình thức kiểm tra, đánh giá, thanh tra nghiệp vụ qua phân tích tổng hợp số liệu trên hệ thống phần mềm dùng chung, liên kết dữ liệu trung thực từ trường lên Phòng GDĐT quận;

- + Phần mềm ứng dụng CNTT trong việc quản lý thu chi và thanh toán các khoản phí không sử dụng tiền mặt; trong quản lý thư viện, quản lý đồ dùng thiết bị, quản lý tài sản công;

+ Phần mềm ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống thông tin liên lạc có khả năng gửi/nhận thông tin giữa các cán bộ, giáo viên ngành GDĐT quận, các bậc cha mẹ học sinh, các học sinh trên địa bàn;

+ Kết nối hệ thống quản lý giáo dục trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành: <http://csdl.hanoi.edu.vn> kết nối đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu dân cư của Thành phố. Hồ sơ chuyên môn (sổ điểm, học bạ) được lưu trữ theo hình thức số hóa, xác thực điện tử; Quản lý văn bằng, chứng chỉ;

+ Hệ thống bài giảng, bài tập, ôn tập, kiểm tra đánh giá trực tuyến;

+ Hệ thống quản lý thông tin liên lạc đa chiều có khả năng gửi/nhận thông tin giữa các cán bộ, giáo viên của Ngành với cha mẹ học sinh, học sinh các trường học trên địa bàn quận; Quản lý nhân sự; Quản lý cơ sở vật chất - tài sản công;

+ Hệ thống quản lý văn phòng, kế toán, hành chính điện tử (e-office) hỗ trợ xác thực điện tử, chữ ký số theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, đảm bảo 100% văn bản hành chính thông thường được gửi/nhận trên hệ thống...;

- Triển khai phần mềm giải pháp phòng chống xâm nhập bảo vệ hệ thống mạng, cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin; triển khai giám sát an toàn thông tin cho các hệ thống, phần mềm đang sử dụng.

2.3. Nâng cao năng lực, trình độ CNTT của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

2.3.1. Nâng cao nhận thức về vai trò ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy và học

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức tới toàn ngành, phụ huynh học sinh, học sinh và nhân dân về tầm quan trọng, vai trò của ứng dụng CNTT trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đời sống, học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế;

- Tăng cường tổ chức giới thiệu, truyền thông ứng dụng CNTT lĩnh vực GDĐT trong cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh qua các hoạt động như: Ngày hội CNTT; Hội thi, cuộc thi Tin học trẻ, lập trình Tin học quốc tế...; các hoạt động giao lưu của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục với các nhà khoa học, các doanh nghiệp sử dụng nhân lực CNTT.

2.3.2. Đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn nhân lực đảm bảo vận hành hệ thống

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn (trực tiếp hoặc qua mạng) cho các đối tượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về quản lý, vận hành hệ thống; kỹ năng và năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy-học và kiểm tra đánh giá;

- Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng do các cấp quản lý hoặc các đơn vị chuyên ngành tổ chức.

2.3.3. Tăng cường kiểm tra công tác ứng dụng CNTT tại các trường học

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc sử dụng, ứng dụng CNTT vào công tác quản lý, dạy - học và kiểm tra đánh giá tại các trường học trên địa bàn quận;
- Qua kiểm tra, xây dựng và điều chỉnh kế hoạch bồi dưỡng, trình độ, năng lực sử dụng CNTT của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cấp học.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2022

- Khảo sát, đánh giá thực trạng, xây dựng Kế hoạch và dự trù kinh phí thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2022.
- Xây dựng hệ thống hạ tầng CNTT: Phủ internet cáp quang đến các trường, lớp học; nâng cấp hệ thống camera trường, lớp học; Trung tâm điều hành, Cầu truyền hình. Nâng cấp phòng học thông minh cho 05 trường.
- Triển khai các phần mềm ứng dụng CNTT: Phần mềm quản lý trường học tích hợp CSDL; Internet; hệ thống thư viện thông minh; cầu truyền hình trực tuyến; lưu trữ đám mây đối với dữ liệu camera trường học (Cloud); Triển khai văn phòng, hành chính điện tử (e-office); kho dữ liệu - phân tích dữ liệu; an toàn an ninh mạng.
- Triển khai một số lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên để quản trị hệ thống; quản lý, điều hành, khai thác hệ thống phần mềm.
- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2022.

1. Giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025

- Xây dựng Kế hoạch và bố trí nguồn ngân sách thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch giai đoạn 2022 - 2025.
- Tiếp tục triển khai hệ thống Internet, Camera an ninh và thuê lưu trữ Cloud cho 100% trường Tiểu học năm 2022 và THCS năm 2023.
- Phối hợp với các nhà cung cấp có đủ năng lực để xây dựng Hệ thống học tập trực tuyến và kho học liệu dùng chung năm 2022. Đưa vào khai thác sử dụng (cấp Mầm non năm 2023; cấp Tiểu học năm 2024 và cấp THCS năm 2025).
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức dạy học Tin học tăng cường đối với các lớp thực hiện Chương trình GDPT năm 2018.
- Mỗi năm bổ sung thêm 03 trường học (mỗi cấp học một trường) để xây dựng “Trường học thông minh” theo chuẩn quốc tế.

- Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch vào cuối năm 2025, xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2025 - 2030 theo định hướng mục tiêu đến năm 2030.

Lưu ý: Định hướng đến năm 2030, tiếp tục ứng dụng các giải pháp CNTT vào công tác quản lý, dạy và học tại các trường trên địa bàn, tiến tới triển khai các mô hình ứng dụng CNTT cao như: Lớp học/trường học thông minh, xây dựng hệ sinh thái giáo dục khép kín và đồng bộ.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn kinh phí

- Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách của quận.
- Nguồn thu của các cơ sở GDĐT; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn xã hội khác.

2. Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động

- Đảm bảo ngân sách mua sắm thiết bị, nâng cao chất lượng hạ tầng như mạng internet, camera, cầu truyền hình trực tuyến đáp ứng tốt hoạt động quản lý, dạy và học tại các trường.
- Đảm bảo ngân sách nâng cấp, mua mới các phần mềm đẩy mạnh hiệu quả trong công tác quản lý, dạy và học tại các trường.
- Đảm bảo kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, kỹ thuật viên ứng dụng CNTT.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu UBND quận tổ chức thực hiện Đề án; tham mưu UBND quận lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng hệ sinh thái giáo dục - đào tạo; tham mưu UBND quận ban hành kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm hoặc giai đoạn và huy động xã hội hóa tạo nguồn lực thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn, các đơn vị chức năng thuộc quận, các tổ chức, đơn vị tổ chức tuyên truyền, quán triệt nội dung và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án;

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND quận những kết quả đạt được, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, đề xuất kiến nghị trong quá trình triển khai thực hiện Đề án. Tham mưu UBND quận tiến hành sơ kết hàng năm hoặc giai đoạn; tổng kết vào năm 2025 để đánh giá việc thực hiện Đề án;

- Chủ trì rà soát đánh giá thực hiện Đề án, đồng thời phối hợp với các phòng ban chuyên môn thuộc quận xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch nhằm chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu;

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận xây dựng, lập dự toán ngân sách, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phòng Tài chính Kế hoạch quận

- Tham mưu UBND quận hằng năm bố trí kinh phí để thực hiện Đề án đảm bảo đúng quy định hiện hành;

- Hướng dẫn các đơn vị lập dự toán; phối hợp với các phòng, ban liên quan kiểm tra, giám sát hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Phòng Nội vụ quận

- Chủ trì, phối hợp với Phòng GDĐT quận rà soát xác định nhu cầu tuyển dụng giáo viên dạy môn Tin học, nhân viên phục trách CNTT của từng đơn vị trong từng năm theo lộ trình thực hiện Đề án;

- Phối hợp với Phòng GDĐT quận xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, dạy và học. Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng cho hoạt động ứng dụng CNTT của các nhà trường.

4. Phòng Văn hóa Thông tin quận

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài với nhiều thể loại, hình thức phong phú để tuyên truyền nội dung của Đề án, chương trình hành động thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW trong đó tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ và giải pháp chủ đạo;

- Đẩy mạnh truyền thông công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực tuyên truyền vận động nhân dân trên địa bàn ủng hộ, tham gia công tác giáo dục;

- Khuyến khích tuyên truyền các trường học ngoài công lập đổi mới và ứng dụng CNTT trong lĩnh vực GDĐT theo phân cấp quản lý.

5. Các trường Mầm non, Tiểu học và THCS thuộc quận

- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của đơn vị nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt Đề án. Thực hiện tốt chỉ đạo của UBND quận và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trong việc đầu tư kinh phí mua sắm thiết bị, phần mềm CNTT, cơ sở vật chất; bố trí ngân sách đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và sử dụng đội ngũ, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh;

- Thành lập Ban chỉ đạo cấp trường, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý dạy và học theo lộ trình, phấn đấu đến năm 2025 để đạt các yêu cầu về các tiêu chí xây dựng trường học thông minh;

- Xây dựng các quy định, quy chế vận hành, sử dụng và khai thác bắt buộc các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung như: Trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin quản lý giáo dục, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc... đối với nhà trường.

- Rà soát các văn bản quy định; chuẩn hóa các quy trình, biểu mẫu liên quan đến các hệ thống, các phần mềm ứng dụng dùng chung.

- Tổ chức các hình thức tuyên truyền, vận động trong cán bộ, giáo viên và học sinh, phụ huynh học sinh và nhân dân hiểu nhận thức rõ tầm quan trọng, tác dụng của việc ứng dụng CNTT trong quản lý dạy và học.

- Tổ chức thực hiện từng bước căn cứ theo từng mức độ. Đặc biệt việc bồi dưỡng cho đội ngũ về kiến thức kỹ năng tin học và sử dụng thiết bị dạy học hiện đại; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học từ các nguồn ngân sách tiết kiệm được, nguồn xã hội hóa theo hình thức tự nguyện đóng góp và các nguồn hỗ trợ ủng hộ khác.

- Căn cứ các tiêu chí quy định, tự đánh giá mô hình tại đơn vị theo các tiêu chí, các mức độ đạt được.

- Hoàn thiện hồ sơ thực hiện mô hình “lớp học thông minh - trường học thông minh” trình UBND quận (qua Phòng GD&ĐT) để được phê duyệt thực hiện.

Trên đây là Đề án “Đổi mới và tăng cường ứng dụng CNTT lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo quận Ba Đình giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”. UBND quận yêu cầu các phòng, ban, ngành có liên quan, các trường Mầm non, Tiểu học và THCS tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất về UBND quận (qua Phòng GD&ĐT) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố HN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- TT Quận ủy;
- TT HĐND quận;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND quận;
- Các phòng chuyên môn;
- Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tạ Nam Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

TỔNG HỢP

Tình hình kết nối Công TTĐT, internet cáp quang, lắp đặt camera và ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy và học
(Tính đến thời điểm 28/2/2021)

STT	Trường	1. Hạ tầng ứng dụng trong các trường					2. Ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học				
		Camera giám sát			Kết nối Internet		Số bài giảng điện tử, bài giảng elearning đã xây dựng	Số bài giảng điện tử, bài giảng elearning dự thi cấp TP, Bộ	Đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng phần mềm ESAM	Đã ban hành kế hoạch triển khai quản lý, sử dụng phần mềm ESAM	Số lượng hồ sơ học sinh được cập nhật lên ESAM
		Tổng số mắt camera tại trường	Trong đó		Bảng thông đường thứ 1 (Mb/s)	Nhà cung cấp					
			Số mắt camera tại khu vực xung yếu về an ninh	Số mắt camera tại khu vực hành lang và phòng học							
1	MN Hoa Đào	0	0	0	20	Viettel	2	0	Có	Có	265
2	MG số 2	14	1	13	32	Viettel	7	0	Có	Có	128
3	MG số 3	16	10	6	30	Viettel	10	1	Có	Có	165
4	MG số 5	16	12	4	32	Viettel	10	1	Có	Có	150
5	MG số 6	7	11	3	32	Viettel	6	0	Có	Có	131
6	MG số 7	6	3	3	32	Viettel	9	0	Có	Có	205
7	MG số 8	10	2	6	35	Viettel	5	0	Có	Có	55
8	MG số 9	15	2	14	30	VNPT	5	0	Có	Có	182

9	MG số 10	15	4	11	25	Viettel	5	0	Có	Có	186
10	MG Hoa Hồng	6	6	3	30	Vietel	5	0	Có	Có	87
11	MN Hoa Hướng Dương	0	0	0	20	Viettel	5	0	Có	Có	186
12	MN Hoa Mai	8	0	6	30	Viettel	0	0	Có	Có	77
13	MN Chim Non	7	1	6	35	Viettel	10	0	Có	Có	142
14	MN Sao Mai	16	2	10	30	VTEL	16	0	Có	Có	208
15	MN Họa Mi	8	4	4	35	VNPT	4	0	Có	Có	838
16	MN Thành Công	40	6	12	35	VNPT	25	0	Có	Có	864
17	MN 1/6	0	0	0	30	VNPT	2	0	Có	Có	285
18	MB Tuổi Hoa	0	0	0	32	Viettel	35	0	Có	Có	190
19	MG Tuổi Thơ	16	4	12	30	Viettel	27	0	Có	Có	220
20	MG Mầm non A	0	0	0	35	VNPT	24	0	Có	Có	232
	Cộng:	200	59	115			211	2			4727
1	TH Hoàng Diệu	46	18	28	35	VNPT	55	0	Có	Có	1642
2	TH Phan Chu Trinh	41	2	39	30	VNPT	367	1	Có	Có	1202
3	TH Thủ Lệ	16	8	8	30	Viettel	15	0	Có	Có	910
4	TH Thành Công A	24	2	22	30	FPT	260	0	không	không	1401
5	TH Việt Nam Cu Ba	0	0	0	40	VNPT	132	1	Có	Có	1243
6	TH Nguyễn Tri Phương	10	5	5	12	Viettel	12		Có	Có	1346
7	TH Vạn Phúc	0	0	0	20	Viettel	125	0	Có	Có	513
8	TH Ba Đình	0	0	0	45	FPT	12	0	Có	Có	1066
9	TH Thành Công B	28	5	23	40	FPT	50	1	Có	Có	2057
10	TH Nguyễn Trung Trực	19	5	14	30	Viettel	15	2	Có	Có	918
11	TH Nguyễn Bá Ngọc	0	0	0	24	Viettel	28	0	Có	Có	451

12	TH Kim Đồng	25	4	21	30	Viettel	60	0	Có	Có	2278
13	TH Ngọc Hà	8	5	3	32	FPT	150	0	Có	Có	846
14	TH Nghĩa Dũng	0	0	0	60	Viettel	3	0	Có	Có	907
15	TH Đại Yên	23	4	19	32	FPT	4	0	Có	Có	1179
16	TH Ngọc Khánh	48	16	32	40	FPT	12	0	Có	Có	1512
17	TH Hoàng Hoa Thám	9	5	4	35	Viettel	3	0	Có	Có	1450
	Cộng:	320	85	235			1348	5			21348
1	THCS Hoàng Hoa Thám	18	9	9	256	Viettel	75	2	Có	Có	796
2	THCS Nguyễn Trãi	36	8	28	40	Viettel	240	0	Có	Có	580
3	THCS Thống Nhất	18	5	13	100	Viettel	37	0	Có	Có	411
4	THCS Giảng Võ	16	5	11	80	Viettel	264	0	Có	Có	3825
5	THCS Mạc Đĩnh Chi	0	0	0	1	VNPT	40	0	Có	Có	304
6	THCS Nguyễn Công Trứ	5	5		32	FPT			Có	Có	1114
7	THCS Ba Đình	28	13	15	1	FPT	32	2	Có	Có	1247
8	THCS Thăng Long	28	16	12	2	VNPT	4	0	Có	Có	2043
9	THCS Nguyễn Tri Phương	15	10	5	100	VNPT	120	2	Có	Có	1558
10	THCS Phan Chu Trinh	45	5	40	30	Viettel	46	0	Có	Có	1449
11	THCS Phúc Xá	0	0	0	30	VNPT	10	0	Có	Có	288
12	THCS Thành Công	32	23	9	30	FPT	254	0	Có	Có	1714
	Cộng:	241	99	142			1122	6			15329
	Phòng GDDT quận	0	0	0	100	VNPT			Có	Có	
	Tổng cộng	761	243	492			2681	13			41404



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH



KHÁI TOÁN

Chi phí đầu tư hạ tầng, phần mềm ứng dụng CNTT giai đoạn 2021-2025

(Phân theo hạng mục)

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP	Khái toán					
				Tổng cộng	2021	2022	2023	2024	2025
	TỔNG CỘNG			151,836,686	24,225,190	30,919,520	40,632,080	41,931,896	14,128,000
I	Internet trường học			15,969,590	4,596,690	8,374,100	999,600	999,600	999,600
1	Triển khai kết nối mạng nội bộ và Internet đến các lớp học tại các trường học thuộc quận	Phòng GDĐT	Các trường học	3,597,090	3,597,090				
2	Triển khai mạng không dây phục vụ phòng học thông minh (Đầu tư thiết bị, phần mềm quản lý wifi 150,5tr/trường)	Phòng GDĐT	Các trường học	7,374,500		7,374,500			
3	Thuê đường truyền Internet cho các trường học thuộc quận hàng năm (Chi thường xuyên 20,4 triệu/01 trường/năm/02 đường truyền 100Mbps)	Các trường học	Phòng GDĐT	4,998,000	999,600	999,600	999,600	999,600	999,600
II	An toàn học đường			3,890,600	2,009,000	470,400	470,400	470,400	470,400
1	Nâng cấp, bổ sung camera giám sát toan toàn, an ninh trường và lớp học (bao gồm vật tư, phụ kiện, lắp đặt)	Phòng GDĐT	Các trường học	2,009,000	2,009,000				



2	Thuê dịch vụ lưu trữ điện toán đám mây phục vụ lưu trữ dữ liệu camera trường học hàng năm	Các trường học	Phòng GDĐT	1,881,600		470,400	470,400	470,400	470,400
III	Hội nghị truyền hình			2,150,000	2,150,000	0	0	0	0
1	Xây dựng phòng điều hành của Phòng GDĐT và hệ thống hội nghị truyền hình từ Phòng GDĐT đến các trường thuộc quận	Phòng GDĐT	Các trường học	2,150,000	2,150,000				
IV	Triển khai các ứng dụng CNTT hỗ trợ quản lý, dạy và học, kiểm tra đánh giá			61,803,300	12,769,500	13,740,000	12,422,000	12,413,800	10,458,000
1	Xây dựng hệ thống trung tâm điều hành Ngành GDĐT quận (<i>CSDL ngành GDĐT quận, nền tảng trung tâm điều hành và các ứng dụng thu thập dữ liệu, hiển thị thông tin, hệ thống hỗ trợ trực tuyến...</i>)	Phòng GDĐT		14,000,000		5,000,000	3,000,000	3,000,000	3,000,000
2	Hệ thống quản lý tài khoản tập trung (SSO - Single Sign On)	Phòng GDĐT	Các trường học	1,000,000	1,000,000				
3	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử kết nối, đồng bộ, liên thông từ Phòng GDĐT tới các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	1,622,500	1,322,500	75,000	75,000	75,000	75,000

4	Triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành điện tử (e-office) ngành GDĐT quận, kết nối liên thông từ Phòng GDĐT tới các trường	Phòng GDĐT	Các trường học	1,843,000	643,000	300,000	300,000	300,000	300,000
5	Triển khai Hệ thống LMS dành cho dạy, học, thi trực tuyến với học sinh và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	8,360,000	2,400,000	1,490,000	1,490,000	1,490,000	1,490,000
6	Triển khai Hệ thống hỗ trợ công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	Phòng GDĐT	Các trường học	1,100,000		650,000	150,000	150,000	150,000
7	Triển khai Hệ thống quản lý nhân sự và thi đua khen thưởng kết nối, đồng bộ, liên thông từ Phòng GDĐT tới các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	2,546,000	1,946,000	150,000	150,000	150,000	150,000
8	Triển khai Hệ thống quản lý thiết bị dạy học	Phòng GDĐT	Các trường học	798,000	398,000	100,000	100,000	100,000	100,000
9	Triển khai hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ	Phòng GDĐT	Các trường học	312,000	300,000	3,000	3,000	3,000	3,000
10	Triển khai hệ thống phần mềm kết nối liên lạc gia đình và nhà trường	Phòng GDĐT	Các trường học	21,950,000	4,390,000	4,390,000	4,390,000	4,390,000	4,390,000
11	Triển khai hệ thống thư viện thông minh	Phòng GDĐT	Các trường học	5,301,800		1,082,000	2,164,000	2,055,800	

12	Thuê hạ tầng CNTT (máy chủ, dịch vụ lưu trữ, dịch vụ vận hành, bảo mật...) triển khai các hệ thống phần mềm hàng năm	Phòng GDĐT		2,970,000	370,000	500,000	600,000	700,000	800,000
VI	Phòng học tiên tiến, thông minh			64,523,196	0	8,135,020	26,540,080	27,848,096	2,000,000
1	Triển khai thiết bị phòng học thông minh	Phòng GDĐT	Các trường học	40,523,196		4,135,020	16,540,080	19,848,096	
2	Triển khai trường học thông minh	Phòng GDĐT	Các trường học	24,000,000		4,000,000	10,000,000	8,000,000	2,000,000
VII	An toàn thông tin, an ninh mạng			3,500,000	2,700,000	200,000	200,000	200,000	200,000
1	Thuê dịch vụ rà quét phát hiện các lỗ hổng, điểm yếu, nguy cơ mất an toàn thông tin các hệ thống hàng năm	Phòng GDĐT		1,000,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000
2	Mua bản quyền phần mềm diệt virus phiên bản máy chủ, máy trạm cho 100% máy tính của Phòng GDĐT và các trường thuộc quận (mua 01 lần, sử dụng trong 05 năm)	Phòng GDĐT	Các trường học	2,500,000	2,500,000				
	TỔNG CỘNG			151,836,686	24,225,190	30,919,520	40,632,080	41,931,896	14,128,000

Ghi chú: Chi phí nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí tư vấn và các loại thuế, phí khác



KHÁI TOÁN

Chi phí đầu tư hạ tầng, phần mềm ứng dụng CNTT giai đoạn 2021-2025
(Phân theo giai đoạn)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Hình thức triển khai	Khái toán				Ghi chú
					Tổng cộng	Chi nguồn UBND quận	Chi thường xuyên các trường	Chi nguồn xã hội hóa	
	TỔNG CỘNG				151,836,686	77,302,528	29,560,440	44,973,718	
A	NĂM 2021				24,225,190	7,000,000	10,925,190	6,300,000	
I	Triển khai thiết bị, thuê dịch vụ công nghệ thông tin				11,455,690	2,150,000	9,305,690	-	
1	Thuê đường truyền Internet cho các trường học thuộc quận hàng năm (<i>Chi thường xuyên 20,4 triệu/01 trường/năm/02 đường truyền 100Mbps</i>)	Các trường học	Phòng GDĐT	Thuê dịch vụ	999,600		999,600		
2	Triển khai kết nối mạng nội bộ và Internet đến các lớp học tại các trường học thuộc quận	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	3,597,090		3,597,090		
3	Nâng cấp, bổ sung camera giám sát toàn toàn, an ninh trường và lớp học (<i>bao gồm vật tư, phụ kiện, lắp đặt</i>)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	2,009,000		2,009,000		
4	Xây dựng phòng điều hành của Phòng GDĐT và hệ thống hội nghị truyền hình từ Phòng GDĐT đến các trường thuộc quận	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	2,150,000	2,150,000			

5	Mua bản quyền phần mềm diệt virus phiên bản máy chủ, máy trạm cho 100% máy tính của Phòng GDĐT và các trường thuộc quận (<i>mua 01 lần, sử dụng trong 05 năm</i>)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua bản quyền	2,500,000		2,500,000		
6	Thuê dịch vụ rà quét phát hiện các lỗ hổng, điểm yếu, nguy cơ mất an toàn thông tin các hệ thống hàng năm	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	200,000		200,000		
II	Triển khai các ứng dụng CNTT hỗ trợ quản lý, dạy và học, kiểm tra đánh giá				12,769,500	4,850,000	1,619,500	6,300,000	
1	Hệ thống quản lý tài khoản tập trung (SSO - Single Sign On)	Phòng GDĐT	Các trường học	Đầu tư	1,000,000	1,000,000			- Xây dựng hệ thống quản lý tài khoản tại Phòng GDĐT - Tích hợp với Trung tâm điều hành giáo dục
2	Triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành điện tử (e-office) ngành GDĐT quận, kết nối liên thông từ Phòng GDĐT tới các trường	Phòng GDĐT	Các trường học	Tổng	643,000	300,000	343,000		- Xây dựng phần mềm tại Phòng GDĐT - Thuê dịch vụ sử dụng tại các nhà trường - Tích hợp với Trung tâm điều hành giáo dục
				Đầu tư	300,000	300,000			
				Thuê dịch vụ	343,000		343,000		Thuê dịch vụ sử dụng 1 năm (6tr/ năm/ trường) + Chi phí khởi tạo dữ liệu ban đầu

3	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử kết nối, đồng bộ, liên thông từ Phòng GDĐT tới các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Tổng	1,322,500	1,200,000	122,500		Triển khai cho phòng giáo dục và các trường học, tích hợp kết quả với Trung tâm điều hành
				Đầu tư	1,200,000	1,200,000			Chi phí xây dựng nền tảng công TTĐT
				Thuê dịch vụ	122,500		122,500		Thuê dịch vụ sử dụng 01 năm (1tr5/năm/trường) + Chi phí khởi tạo dữ liệu ban đầu
4	Triển khai Hệ thống LMS dành cho dạy, học, thi trực tuyến với học sinh và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học		2,400,000		490,000	1,910,000	Thuê dịch vụ sử dụng 01 năm (10tr/năm/ trường) + Chi phí khởi tạo dữ liệu ban đầu
5	Triển khai Hệ thống quản lý nhân sự và thi đua khen thưởng kết nối, đồng bộ, liên thông từ Phòng GDĐT tới các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Tổng	1,946,000	1,750,000	196,000		
				Đầu tư	1,750,000	1,750,000			Chi phí xây dựng phần mềm nội bộ
				Thuê dịch vụ	196,000		196,000		Thuê dịch vụ sử dụng 01 năm (3tr/năm/ trường) + Chi phí khởi tạo dữ liệu ban đầu
6	Triển khai Hệ thống quản lý thiết bị dạy học	Phòng GDĐT	Các trường học	Tổng	398,000	300,000	98,000		
				Đầu tư	300,000	300,000			Chi phí xây dựng phần mềm nội bộ
				Thuê dịch vụ	98,000		98,000		Triển khai hệ thống quản lý tập trung tại Phòng và thuê dịch vụ sử dụng tại các nhà trường (2tr/năm)

7	Triển khai hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	300,000	300,000			
8	Triển khai hệ thống phần mềm kết nối liên lạc gia đình và nhà trường	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	4,390,000			4,390,000	
9	Thuê hạ tầng CNTT (máy chủ, dịch vụ lưu trữ, dịch vụ vận hành, bảo mật...) triển khai các hệ thống phần mềm hàng năm	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	370,000		370,000		
B	NĂM 2022				30,919,520	18,097,670	3,956,950	8,864,900	
I	Triển khai thiết bị, thuê dịch vụ công nghệ thông tin				17,179,520	11,497,170	2,207,450	3,474,900	
1	Triển khai thiết bị 05 phòng học thông minh cho 05 trường (Đầu tư 827,004 tr/phòng học)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	4,135,020	4,135,020			
2	Triển khai 01 trường học thông minh cấp TH (04 tỷ/trường)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	4,000,000	2,000,000		2,000,000	
3	Triển khai mạng không dây phục vụ phòng học thông minh (Đầu tư thiết bị, phần mềm quản lý wifi 150,5tr/trường)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	7,374,500	5,162,150	737,450	1,474,900	
4	Thuê đường truyền Internet cho các trường học thuộc quận hàng năm (Chi thường xuyên 20,4 triệu/01 trường/năm/02 đường truyền 100Mbps)	Các trường học	Phòng GDĐT	Thuê dịch vụ	999,600		999,600		

5	Thuê dịch vụ rà quét phát hiện các lỗ hổng, điểm yếu, nguy cơ mất an toàn thông tin các hệ thống hàng năm	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	200,000	200,000			
6	Thuê dịch vụ lưu trữ điện toán đám mây phục vụ lưu trữ dữ liệu camera trường học hàng năm	Các trường học	Phòng GDĐT	Thuê dịch vụ	470,400		470,400		-
II	Triển khai các ứng dụng CNTT hỗ trợ quản lý, dạy và học, kiểm tra đánh giá				13,740,000	6,600,500	1,749,500	5,390,000	
1	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý hành chính điện tử e-office tại Phòng GDĐT và thuê dịch vụ sử dụng phục vụ quản lý hành chính tại các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	300,000	6,000	294,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
2	Duy trì vận hành Hệ thống công thông tin điện tử Phòng GDĐT và các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	75,000	1,500	73,500		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
3	Duy trì Hệ thống LMS dành cho dạy, học, thi trực tuyến với học sinh và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	1,490,000		490,000	1,000,000	Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
4	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý nhân sự và thi đua khen thưởng	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	150,000	3,000	147,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
5	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ	Phòng GDĐT		Mua sắm	3,000	3,000			Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD
6	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý thiết bị dạy học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	100,000	2,000	98,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường

7	Triển khai Hệ thống hỗ trợ công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	Phòng GDĐT	Các trường học	Tổng	650,000	503,000	147,000		Triển khai hệ thống quản lý tập trung tại Phòng và thuê dịch vụ sử dụng tại các nhà trường
				Đầu tư	500,000	500,000			Chi phí xây dựng phần mềm nội bộ
				Thuê dịch vụ	150,000	3,000	147,000		Thuê dịch vụ sử dụng 01 năm (3tr/năm/trường) + Chi phí khởi tạo dữ liệu ban đầu
8	Xây dựng hệ thống trung tâm điều hành Ngành GDĐT quận (CSDL ngành GDĐT quận, nền tảng trung tâm điều hành và các ứng dụng thu thập dữ liệu, hiển thị thông tin, hệ thống hỗ trợ trực tuyến...)	Phòng GDĐT		Mua sắm	5,000,000	5,000,000			
9	Triển khai hệ thống phần mềm kết nối liên lạc gia đình và nhà trường	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	4,390,000			4,390,000	
10	Thuê hạ tầng CNTT (máy chủ, dịch vụ lưu trữ, dịch vụ vận hành, bảo mật...) triển khai các hệ thống phần mềm hàng năm	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	500,000		500,000		
11	Xây dựng hệ thống thư viện thông minh (triển khai cho 10 trường)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	1,082,000	1,082,000			
C	NĂM 2023				40,632,080	23,104,572	5,483,500	12,044,008	
I	Triển khai thiết bị, thuê dịch vụ công nghệ thông tin				28,210,080	20,086,072	1,470,000	6,654,008	

1	Triển khai thiết bị 20 phòng học thông minh cho 20 trường (Đầu tư 827,004 tr/phòng học)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	16,540,080	14,886,072		1,654,008	
2	Triển khai 02 trường học thông minh (01 trường TH, 01 trường THCS)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	10,000,000	5,000,000		5,000,000	
3	Thuê đường truyền Internet cho các trường học thuộc quận hàng năm (Chi thường xuyên 20,4 triệu/01 trường/năm/02 đường truyền 100Mbps)	Các trường học	Phòng GDĐT	Thuê dịch vụ	999,600		999,600		
4	Thuê dịch vụ rà quét phát hiện các lỗ hổng, điểm yếu, nguy cơ mất an toàn thông tin các hệ thống hàng năm	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	200,000	200,000			
5	Thuê dịch vụ lưu trữ điện toán đám mây phục vụ lưu trữ dữ liệu camera trường học hàng năm	Các trường học	Phòng GDĐT	Thuê dịch vụ	470,400		470,400		
II	Triển khai các ứng dụng CNTT hỗ trợ quản lý, dạy và học, kiểm tra đánh giá				12,422,000	3,018,500	4,013,500	5,390,000	
1	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý hành chính điện tử e-office tại Phòng GDĐT và thuê dịch vụ sử dụng phục vụ quản lý hành chính tại các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	300,000	6,000	294,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
2	Duy trì vận hành Hệ thống cổng thông tin điện tử Phòng GDĐT và các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	75,000	1,500	73,500		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường

3	Duy trì Hệ thống LMS dành cho dạy, học, thi trực tuyến với học sinh và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	1,490,000		490,000	1,000,000	
4	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý nhân sự và thi đua khen thưởng	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	150,000	3,000	147,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
5	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ ngành giáo dục Ba Đình	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	3,000	3,000			Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD
6	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý thiết bị dạy học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	100,000	2,000	98,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
7	Duy trì vận hành Hệ thống hỗ trợ công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	150,000	3,000	147,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
8	Nâng cấp, duy trì vận hành hệ thống trung tâm điều hành Ngành GDĐT quận (CSDL ngành GDĐT quận, nền tảng trung tâm điều hành và các ứng dụng thu thập dữ liệu, hiển thị thông tin)	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	3,000,000	3,000,000			Nâng cấp bổ sung các phân hệ quản lý điều hành; duy trì vận hành hệ thống
9	Triển khai hệ thống phần mềm kết nối liên lạc gia đình và nhà trường	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	4,390,000			4,390,000	
10	Thuê hạ tầng CNTT (máy chủ, dịch vụ lưu trữ, dịch vụ vận hành, bảo mật...) triển khai các hệ thống phần mềm hàng năm	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	600,000		600,000		Thuê máy chủ, dịch vụ lưu trữ, dịch vụ vận hành, bảo mật

11	Xây dựng hệ thống thư viện thông minh (triển khai cho 20 trường)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	2,164,000		2,164,000		
D	NĂM 2024				41,931,896	25,081,786	5,475,300	11,374,810	
I	Triển khai thiết bị, thuê dịch vụ công nghệ thông tin				29,518,096	22,063,286	1,470,000	5,984,810	
1	Triển khai thiết bị 24 phòng học thông minh cho 24 trường còn tại (Đầu tư 827,004 tr/phòng học)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	19,848,096	17,863,286		1,984,810	
2	Triển khai 02 trường học thông minh (01 trường MN, 01 trường THCS)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	8,000,000	4,000,000		4,000,000	
3	Thuê đường truyền Internet cho các trường học thuộc quận hàng năm (Chi thường xuyên 20,4 triệu/01 trường/năm/02 đường truyền 100Mbps)	Các trường học	Phòng GDĐT	Thuê dịch vụ	999,600		999,600		Chi thường xuyên 20,4 triệu/01 trường/năm/02 đường truyền 100Mbps
4	Thuê dịch vụ rà quét phát hiện các lỗ hổng, điểm yếu, nguy cơ mất an toàn thông tin các hệ thống hàng năm	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	200,000	200,000			
5	Thuê dịch vụ lưu trữ điện toán đám mây phục vụ lưu trữ dữ liệu camera trường học hàng năm	Các trường học	Phòng GDĐT	Thuê dịch vụ	470,400		470,400		
II	Triển khai các ứng dụng CNTT hỗ trợ quản lý, dạy và học, kiểm tra đánh giá				12,413,800	3,018,500	4,005,300	5,390,000	

1	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý hành chính điện tử e-office tại Phòng GDĐT và thuê dịch vụ sử dụng phục vụ quản lý hành chính tại các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	300,000	6,000	294,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
2	Duy trì vận hành Hệ thống cổng thông tin điện tử Phòng GDĐT và các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	75,000	1,500	73,500		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
3	Duy trì Hệ thống LMS dành cho dạy, học, thi trực tuyến với học sinh và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	1,490,000		490,000	1,000,000	
4	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý nhân sự và thi đua khen thưởng	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	150,000	3,000	147,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
5	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ ngành giáo dục Ba Đình	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	3,000	3,000			Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD
6	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý thiết bị dạy học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	100,000	2,000	98,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
7	Duy trì vận hành Hệ thống hỗ trợ công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	150,000	3,000	147,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường

8	Nâng cấp, duy trì vận hành hệ thống trung tâm điều hành Ngành GDĐT quận (CSDL ngành GDĐT quận, nền tảng trung tâm điều hành và các ứng dụng thu thập dữ liệu, hiển thị thông tin)	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	3,000,000	3,000,000			Nâng cấp bổ sung các phân hệ quản lý điều hành; duy trì vận hành hệ thống
9	Xây dựng hệ thống thư viện thông minh (triển khai cho 19 trường còn lại)	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	2,055,800		2,055,800		
10	Triển khai hệ thống phần mềm kết nối liên lạc gia đình và nhà trường	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	4,390,000			4,390,000	
11	Thuê hạ tầng CNTT (máy chủ, dịch vụ lưu trữ, dịch vụ vận hành, bảo mật...) triển khai các hệ thống phần mềm hàng năm	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	700,000		700,000		
E	NĂM 2025				14,128,000	4,018,500	3,719,500	6,390,000	
I	Triển khai thiết bị, thuê dịch vụ công nghệ thông tin				3,670,000	1,000,000	1,670,000	1,000,000	
1	Thuê đường truyền Internet cho các trường học thuộc quận hàng năm (<i>Chi thường xuyên 20,4 triệu/01 trường/năm/02 đường truyền 100Mbps</i>)	Các trường học	Phòng GDĐT	Thuê dịch vụ	999,600		999,600		
2	Triển khai 01 trường học thông minh cấp MN	Phòng GDĐT	Các trường học	Mua sắm	2,000,000	1,000,000		1,000,000	

3	Thuê dịch vụ rà quét phát hiện các lỗ hổng, điểm yếu, nguy cơ mất an toàn thông tin các hệ thống hàng năm	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	200,000		200,000		
4	Thuê dịch vụ lưu trữ điện toán đám mây phục vụ lưu trữ dữ liệu camera trường học hàng năm	Các trường học	Phòng GDĐT	Thuê dịch vụ	470,400		470,400		
II	Triển khai các ứng dụng CNTT hỗ trợ quản lý, dạy và học, kiểm tra đánh giá				10,458,000	3,018,500	2,049,500	5,390,000	
1	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý hành chính điện tử e-office tại Phòng GDĐT và thuê dịch vụ sử dụng phục vụ quản lý hành chính tại các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	300,000	6,000	294,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
2	Duy trì vận hành Hệ thống cổng thông tin điện tử Phòng GDĐT và các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	75,000	1,500	73,500		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
3	Duy trì Hệ thống LMS dành cho dạy, học, thi trực tuyến với học sinh và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	1,490,000		490,000	1,000,000	
4	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý nhân sự và thi đua khen thưởng	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	150,000	3,000	147,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
5	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	3,000	3,000			Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD

6	Duy trì vận hành Hệ thống quản lý thiết bị dạy học	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	100,000	2,000	98,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
7	Duy trì vận hành Hệ thống hỗ trợ công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	150,000	3,000	147,000		Thuê dịch vụ sử dụng tại PGD và các nhà trường
8	Nâng cấp, duy trì vận hành hệ thống trung tâm điều hành Ngành GDĐT quận (CSDL ngành GDĐT quận, nền tảng trung tâm điều hành và các ứng dụng thu thập dữ liệu, hiển thị thông tin)	Phòng GDĐT		Thuê dịch vụ	3,000,000	3,000,000			Nâng cấp bổ sung các phân hệ quản lý điều hành; duy trì vận hành hệ thống
9	Triển khai hệ thống phần mềm kết nối liên lạc gia đình và nhà trường	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	4,390,000			4,390,000	
10	Thuê hạ tầng CNTT (máy chủ, dịch vụ lưu trữ, dịch vụ vận hành, bảo mật...) triển khai các hệ thống phần mềm hàng năm	Phòng GDĐT	Các trường học	Thuê dịch vụ	800,000		800,000		
TỔNG CỘNG					151,836,686	77,302,528	29,560,440	44,973,718	

